

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 4 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Cúc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Khương
2. Ông Lê Phúc Tiếng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại phòng xử án - Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2019/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXX –ST ngày 21 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H – sinh năm 1980 (Có mặt)
Địa chỉ: x đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc V – sinh năm 1978 (Vắng mặt)
Địa chỉ: z đường A, tổ dân phố v, phường B, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Quốc V có tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 19/01/2000 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Trong cuộc sống bà H và ông V thường xuyên cãi vã, chồng thường xuyên đánh đập, ông bà không thể hòa giải được với nhau. Nay, xét thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn và không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết cho bà H và ông V được ly hôn với nhau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Quốc V có 03 đứa con chung là cháu Nguyễn T sinh ngày 14/12/2012, cháu Nguyễn Ngọc Kim N sinh ngày 30/7/2002, cháu Nguyễn Ngọc Huyền Tr sinh ngày 26/8/2000. Hiện các cháu đều ở với mẹ, bà H có nguyện vọng được nuôi cháu tới khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Bà Bùi Thị H không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Quốc V tự thỏa thuận tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/01/2019 bị đơn ông Nguyễn Quốc V trình bày:

Ông và bà Bùi Thị H có tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 19/01/2000 tại UBND phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hay cãi vã nhau nhưng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng. Nay bà H làm đơn đề nghị ly hôn thì ông V không đồng ý, vì ông V vẫn còn tình cảm với vợ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Quốc V có 03 đứa con chung là cháu Nguyễn T sinh ngày 14/12/2012, cháu Nguyễn Ngọc Kim N sinh ngày 30/7/2002, cháu Nguyễn Ngọc Huyền Tr sinh ngày 26/8/2000. Nếu tòa chấp nhận ly hôn thì ông V đồng ý để các cháu cho mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông V sẽ cung cấp tiền cấp dưỡng hàng tháng nuôi các cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Quốc V tự thỏa thuận tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Bùi Thị H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Quốc V, địa chỉ hộ khẩu thường trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk

Lắc. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Quốc V đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Quốc V tự nguyện tìm hiểu, đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 19/01/2000 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình sống chung, bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Quốc V sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là giữa hai người bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Ông Nguyễn Quốc V cho rằng mâu thuẫn chưa trầm trọng, nên không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua xác minh tại chính quyền địa phương, nơi bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Quốc V chung sống. Đại diện chính quyền địa phương cho biết: *“Bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Quốc V chung sống có đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Anh V thường hay đánh đập chị H, chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn không cải thiện được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V hay nhậu nhẹt, say xỉn không lo làm ăn, chăm lo cuộc sống gia đình, xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật”*.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, việc ông V không đến tham gia vào các buổi hòa giải và phiên xét xử của Tòa, đã thể hiện việc ông V không có ý định hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này, từ đó cho thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Bùi Thị H, cho bà H ly hôn với ông V.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Quốc V có 03 đứa con chung là cháu Nguyễn T - sinh ngày 14/12/2012, cháu Nguyễn Ngọc Kim N - sinh ngày 30/7/2002, cháu Nguyễn Ngọc Huyền Tr - sinh ngày 26/8/2000. Hiện các cháu đều ở với mẹ, nguyện vọng của bà H sau khi ly hôn là được nuôi các cháu tới khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Ý kiến của cháu Nguyễn Ngọc Kim N là có nguyện vọng được sống với mẹ để mẹ chăm sóc cháu tốt hơn. Ông Nguyễn Quốc V đồng ý để các cháu cho mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc.

Từ đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là các cháu Nguyễn T - sinh ngày 14/12/2012, cháu Nguyễn Ngọc Kim N - sinh ngày 30/7/2002 cho mẹ là bà Bùi Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ. Cháu Nguyễn Ngọc Huyền Tr - sinh ngày 26/8/2000 đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Quốc V cấp dưỡng, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Bùi Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định, bị đơn ông Nguyễn Quốc V không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Bùi Thị H

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Quốc V.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn T - sinh ngày 14/12/2012, cháu Nguyễn Ngọc Kim N - sinh ngày 30/7/2002 cho mẹ là bà Bùi Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Cháu Nguyễn Ngọc Huyền Tr – sinh ngày 26/8/2000, hiện cháu Tr đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Ông Nguyễn Quốc V có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết .

4. Về án phí: Bà Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Bùi Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2017/0011706 ngày 10/01/2019 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. Buôn Ma Thuột;
- UBND phường T
- TP.BMT, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ tại tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Cúc